TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày: 01/4/2022
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Mai Thị Ngọc Hân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST-KDTM, ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 08 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-KMTM, ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q D (NCB). Có trụ sở: số 28C-28D phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D - Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700169765 đăng ký lần đầu ngày 24/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 18/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Liêu Tuấn Đ - Giám đốc Ngân hàng TMCP Q D - Chi nhánh An Giang (theo quyết định ủy quyền số 36/2019/QĐUQ-CTHĐQT, ngày 02/5/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Q D).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phạm Tiến D - Phó Giám đốc Chi nhánh An Giang kiêm Giám đốc Trung tâm Bán lẻ An Giang. Địa chỉ: Số 115B Tống Duy Tân, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền 46/2021/UQ-NCB.AG, ngày 15/4/2021) - Vắng mặt.

(Ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 01/4/2022)

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 15N3, khóm Đông Thịnh 6, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hiện ngụ: số 109/57, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Qúy, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q D (NCB) ông Nguyễn Phạm Tiến D trình bày:

Ngày 03/10/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Q D *(NCB)* có thỏa thuận ký hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 161/19/HĐCV, để cho ông L vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn 24 tháng (từ ngày 03/1/2019 đến 04/10/2020), phương thức vay: theo món; mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cố định: 15%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. sau khi ký hợp đồng thì ngân hàng đã giải ngân cho ông L số tiền 100.000.000đ (thể hiện qua phiếu hạch toán giải ngân ngày 03/10/2019). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã thanh toán gốc 49.992.000đ; lãi 1.5036.001đ. Kể từ ngày 25/10/2020 đến nay ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn, tính đến ngày 01/4/2022, ông Trần Ngọc L còn nợ Ngân hàng vốn lãi là: 77.377.941đ (bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó nợ vốn gốc: 50.008.000đ; lãi trong hạn: 15.005.000đ; lãi chậm trả: 1.399.927đ; lãi quá hạn gốc: 10.964.918đ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng nên ngân hàng thương mại cổ phần Q D khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc L có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 01/4/2022 là: 77.377.941đ (bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó nợ vốn gốc: 50.008.000đ; lãi trong hạn: 15.005.000đ; lãi chậm trả: 1.399.927đ; lãi quá hạn gốc: 10.964.918đ và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 02/4/2022 theo hợp đồng số 161/19/HĐCV-9381, ngày 03/10/2019 mà ông L đã ký với ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số nợ.

* Quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Ngọc L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý

kiến cũng như cung cấp chứng cứ, chứng minh không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q D (NCB) ông Nguyễn Phạm Tiến D có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/4/2022, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trước đây.

Ông Trần Ngọc L vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc L theo thủ tục chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:*

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Toà án tống đạt hợp lệ nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Ngày 03/10/2019, Ngân hàng TMCP Q D có cho ông Trần Ngọc L, vay tín chấp số tiền 100.000.000đ, thời hạn 24 tháng (03/10/2019 đến 04/10/2021), mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Sau khi vay đến ngày 25/09/2020, ông L đã thanh toán vốn gốc 49.992.000đ, lãi đã thanh toán 15.036.001đ. Kể từ ngày 25/10/2020 đến nay ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên hồ sơ đã bị quá hạn. Xét thấy, Ngân hàng TMCP Q D căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm yêu cầu bảo hiểm kiêm tờ trình cấp tín dụng của ông Trần Ngọc L ngày 02/10/2019, Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 161/2019/HĐCV-9381 ngày 03/10/2019, Giấy đề nghị vay vốn ngày 02/10/2019, Giấy đề nghị giải ngân ngày 13/02/2020, Phiếu hoạch toán ngày 03/02/2019, Thông báo khởi kiện thu hồi nợ số 11 ngày 15/4/2021, để yêu cầu ông Trần Ngọc L phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q D tổng số nợ tạm tính đến hết ngày 01/4/2022 tổng cộng là 77.377.941đ, trong đó, vốn gốc 50.008.000đ, lãi trong hạn 15.005.096 đồng, lãi quá hạn 10.964.918đ, lãi chậm trả lãi 1.399.927đ và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Bởi các lẽ trên: Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Ngọc L có đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52A8030406 ngày 27/9/2019 và mục vay là bổ sung vốn vốn kinh doanh nên việc Ngân hàng thương mại cổ phần Q D yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trần Ngọc L là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Trần Ngọc L có đăng ký hộ khẩu thường trú số 109/57, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Qúy, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (theo biên bản xác minh ngày 7/7/2021, công an phường Mỹ Quý xác nhận) là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc là nguyên đơn trong vụ án khởi kiện và xác định ông Trần Ngọc L là bị đơn phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng ký văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Phạm Tiến D tham gia tố tụng tại tòa án. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông D tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền. Ngày 01/4/2022, ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét chấp nhận. Bị đơn ông Trần Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông L được thể hiện trong hồ sơ vụ án là phù hợp với Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung*." Do đó Tòa án niêm yết theo quy định. Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[2] Ngày 03/10/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Q D *(NCB)* có thỏa thuận ký hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 161/19/HĐCV, để cho ông L vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn 24 tháng (từ ngày 03/1/2019 đến 04/10/2020), phương thức vay: theo món; mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cố định: 15%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. sau khi ký hợp đồng thì ngân hàng đã giải ngân cho ông L số tiền 100.000.000đ (thể hiện qua phiếu hạch toán giải ngân ngày 03/10/2019). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã thanh toán gốc 49.992.000đ; lãi 1.5036.001đ nên Ngân hàng thương mại cổ phần Q D yêu cầu ông L có trách nhẻm trả tiền vốn, lãi còn nợ tính đến ngày 01/4/2022 là: 77.377.941đ (bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó vốn gốc: 50.008.000đ; lãi trong hạn: 15.005.000đ; lãi chậm trả: 1.399.927đ; lãi quá hạn gốc: 10.964.918đ đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 02/4/2022 theo hợp đồng số 161/19/HĐCV-9381, ngày 03/10/2019 mà ông L đã ký với ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Xét Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 161/19/HĐCV, ngày 03/10/2019, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q D với ông Trần Ngọc L được ký kết hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 14, khoản 16 Điều 4, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận theo các hợp đồng đã ký kết. Do phía ông L đã không thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng thương mại cổ phần Q D khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nghĩ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần Q D được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trần Ngọc L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147;

điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q D.

[1] Buộc bị đơn ông Trần Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q D (NCB) số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 01/4/2022 là 77.377.941đ (bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó nợ vốn gốc: 50.008.000đ; lãi trong hạn: 15.005.000đ; lãi chậm trả: 1.399.927đ; lãi quá hạn gốc: 10.964.918đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/4/2022, ông Trần Ngọc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Về án phí:

Bị đơn ông Trần Ngọc L phải chịu 3.869.000đ (ba triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng phí kinh doanh thương mai sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q D được nhận lại 1.500.00đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002797 ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.Long Xuyên;
- THADS Tp.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền